

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 21-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Kiều Thị Thắng

Bà Hoàng Thị Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2021/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Vũ Chí N, sinh ngày 18/7/1998; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 12/3/2021; Con ông Vũ Đăng H và bà Lê Thị L; có vợ là Trương Thị A và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 26/11/2021 đến nay, (Có mặt).

Bị hại: Lê Tuấn M, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Phố 1, phường H, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Vũ Văn K, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17h00 ngày 19/11/2020, Vũ Văn K nhờ anh Nguyễn Văn Thắng ở thôn MN, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (Anh T là người quen biết với anh Lê Tuấn M) hẹn gặp anh Lê Tuấn M để nói chuyện. Sau đó, anh T gọi điện thoại hẹn gặp và nói chuyện với anh M ở ngã tư TD. Khoảng 17h15 cùng ngày, anh T cùng Đào Văn U, sinh năm 1990 ở thôn I, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc và Dương Văn Á, sinh năm 1992 ở thôn HG, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đi xe taxi của anh Nguyễn Quốc Q ở thôn 1, xã Đ, huyện TD đến khu vực ngã tư TD gặp anh M. Khi gặp anh M, anh T bảo anh M về quán hát Karaoke Trà My 2 để nói chuyện với K nhưng anh M nói “*K có việc gì thì xuống đây nói chuyện*”. Anh M không về quán hát để nói chuyện với K theo đề nghị của anh T nên anh T bảo anh M đến quán nước ở khu vực O, thành phố Y. Sau đó, anh T, U và L đi xe taxi của anh Q còn anh M điều khiển xe ô tô của mình cùng nhau đến quán nước của anh Đinh Trần Đ ở tổ dân phố Ô, phường ĐT, thành phố Y. Tại đây, anh M, anh T, U, L và anh Q ngồi uống nước cùng bàn với nhau. U gọi điện cho K thông báo về việc anh M không đồng ý về quán hát Karaoke TM 2 và bảo K xuống quán nước để gặp anh M. Cả nhóm ngồi được một lúc thì anh T và anh Q đi taxi rời khỏi quán có chuyện riêng, còn lại anh M, U và L tiếp tục ngồi uống nước. Khoảng 17h30 cùng ngày, K cùng Vũ Chí N đi xe taxi màu trắng (Không rõ biển kiểm soát, không xác định được người lái) đến quán nước của anh Đinh Trần Đ, K ngồi cạnh anh M và bảo anh M lên xe ô tô taxi do K gọi để nói chuyện nhưng anh M không đồng ý và nói “*có chuyện gì thì nói tại đây cũng được*”. K nói “*chuyện tế nhị không nói ở đây được*” nên anh M đồng ý cùng K lên xe taxi do K đi đến. Do xe chật nên Vũ Chí N bắt xe taxi về sau. K bảo lái xe taxi đưa về quán hát Karaoke TM 2, anh M không phản ứng gì. K đưa anh M về đến quán hát Karaoke TM 2 ở thôn 1, xã Đ, huyện TD thì K xuống xe ô tô và bảo U đóng, khoá cổng lại. Sau đó, K chỉ đạo U và L đưa anh M vào một căn phòng nhà cấp 4 trong khuôn viên quán hát Karaoke TM 2 và giữ điện thoại di động của anh M. Vũ Chí N đi xe taxi về đến quán hát Karaoke TM 2 thì K ra mở cổng, sau đó K, M cùng đi vào phòng nhà cấp bốn và tra hỏi anh M về việc quan hệ bất chính với chị Bùi Thị P vợ K như thế nào, đưa chị P đi đâu. Anh M trả lời không biết chị P đi đâu và không có quan hệ gì với chị P nên K bực tức dùng khẩu súng bắn đạn cao su (Công cụ hỗ trợ) cầm bằng tay phải đánh phần báng súng hai phát vào mặt anh M làm anh M ngã ra sàn nhà. Sau đó, U dùng chân tay, gậy gỗ có kích thước khoảng 1,96m x 0,08m; L dùng chân tay, dùng một đoạn sắt phi 6, dài 1,2m, đường kính 0,8cm và Vũ Chí N dùng chân tay, đòn gánh bằng tre, có kích thước 1,4m, bản rộng 07cm đánh vào người, tay, chân anh M. Thấy anh M bị chảy nhiều máu ở mặt, mồm, chân, tay bầm tím và bị đánh đau nên K bảo U, L và Vũ Chí N dừng lại. K bảo U, L và Vũ Chí N ra ngoài rồi K tiếp tục tra hỏi anh M về việc quan hệ tình cảm bất chính với chị P nhưng không có kết quả nên dừng lại. Sau khi đánh anh M xong, Lâm tự đi về nhà còn lại U và Vũ Chí N ở lại quán hát Karaoke TM 2. Khoảng 19h30’ cùng ngày, không hỏi thêm được gì thì K chỉ đạo U và Vũ Chí N đưa anh M đi sơ cứu tại Trạm y tế xã Đ và trả điện thoại di động cho anh M. Sau

đó, anh M tự đi xe taxi về nhà và được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc điều trị từ ngày 19/11/2020 đến ngày 26/11/2020 ra viện.

Tại bản Kết luận giám định số 585/TgT ngày 24/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương cách mép trái về phía ngoài 02cm không khâu, xếp 3%. Gãy 1/3 dưới thân xương trụ trái, hiện tại được cố định bằng bột, xếp 10%. Các vết xây sát da đang đóng vảy tiết và bầm tím da hiện tại đang nằm điều trị khi nào ra viện ổn định giám định bổ sung.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 13%.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 652/TgT ngày 26/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hình ảnh gãy cũ 1/3 đầu dưới xương trụ trái di lệch can xương chưa chắc, xếp 21%.

- Sẹo vết thương phần mềm cách mép trái về phía ngoài 02cm kích thước nhỏ xếp 03%. Sẹo vết thương phần mềm mặt sau khuỷu tay phải kích thước nhỏ xếp 01%. Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt sau cánh tay trái kích thước nhỏ xếp 01%. Sẹo vết thương phần mềm mặt sau cổ tay phải kích thước nhỏ xếp 01%.

- Sẹo vết thương phần mềm mắt cá trong chân phải kích thước nhỏ xếp 01%. 02 sẹo vết thương phần mềm 1/3 trên mặt trước cẳng chân trái kích thước nhỏ mỗi vết xếp 01%. Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt trong cẳng chân trái kích thước nhỏ xếp 01%. 1/3 đầu dưới xương trụ trái di lệch can xương chưa chắc ảnh hưởng chức năng tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 29%.

Tại bản Kết luận giám định số 3033/KLGĐ ngày 01/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Khẩu súng gửi giám định là công cụ hỗ trợ, loại súng bắn đạn cao su, tên súng ZORAKI, 05 viên đạn gửi kèm là đạn cao su, dùng cho công cụ hỗ trợ, dùng được cho súng gửi giám định, theo điểm a, khoản 11, điều 3 – Luật hợp nhất số 28/VBHN – VPQH ngày 16/12/2019 của văn phòng Quốc hội quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và theo số thứ tự 1, mục I – Phụ lục II – Danh mục Công cụ hỗ trợ (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT – BCA ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ). Thời điểm giám định súng hoạt động bình thường”.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Vũ Chí N đã bỏ trốn. Ngày 30/3/2021 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Vũ Chí N, đến ngày 15/10/2021 N ra đầu thú tại Công an huyện TD.

Tại bản án số 49/2021/HS-ST ngày 16/7/2021 Tòa án nhân dân huyện TD đã xét xử đối với Vũ Văn K, Dương Văn L và Đào Văn U về tội “Giữ người trái

pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015. Quyết định về hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật. Đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Vũ Văn K đã bồi thường cho anh Lê Tuấn M số tiền 100.000.000 đồng. Nay anh M không yêu cầu Vũ Chí N phải bồi thường. Vũ Văn K không yêu cầu Vũ Chí N phải trả lại cho K số tiền đã bồi thường cho anh Lê Tuấn M.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSTD ngày 30/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố Vũ Chí N về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Chí N phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Vũ Chí N từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Chí N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/11/2021.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo Vũ Chí N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Vũ Văn K, Dương Văn L, Đào Văn U, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Do nghi ngờ chị Bùi Thị P (Vợ của Vũ Văn K) có quan hệ tình cảm bất chính với anh Lê Tuấn M ở phố 1, phường H, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 17h00 ngày 19/11/2020, Vũ Văn K nhờ anh Nguyễn Văn T ở thôn MN, xã DP, huyện TD liên hệ với anh M và bảo anh M đến để nói chuyện với K, anh T đồng ý. Khoảng 17h15 cùng ngày, anh T, Đào Văn U và Dương Văn L đi xe taxi của anh Nguyễn Quốc Q đến khu vực ngã tư TD gặp anh M bảo anh M về gặp K để nói chuyện nhưng anh M không đồng ý, nên K và Vũ Chí N trực tiếp đi taxi của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ xuống gặp anh M tại quán nước của anh Đinh Trần U ở khu vực O, thành phố Y và đưa anh M về quán hát TM 2 ở thôn 1, xã Đ, huyện TD thì K xuống xe ô tô và bảo U đóng, khoá cổng lại. Sau đó, K chỉ đạo U và L đưa anh M vào một căn phòng nhà cấp 4 trong khuôn viên quán hát Karaoke TM 2 và giữ điện thoại di động của anh M. Vũ Chí N đi xe taxi về đến quán hát Karaoke TM 2 thì K ra mở cổng, sau đó K đi vào phòng và tra hỏi anh M về việc quan hệ bất chính với chị Bùi Thị P vợ K như thế nào, đưa chị P đi đâu. Anh M trả lời không biết chị P đi đâu và không có quan hệ gì với chị P nên K bực tức dùng khẩu súng bắn đạn cao su (Là công cụ hỗ trợ) cầm bằng tay phải đánh phần báng súng hai phát vào mặt anh M làm anh M ngã ra sàn nhà. Sau đó, U dùng gậy gỗ có kích thước khoảng 1,96m x 0,08m; L dùng một đoạn sắt phi 6, dài 1,2m, đường kính 0,8 cm và Vũ Chí N dùng đòn gánh bằng tre, có kích thước 1,4m, bản rộng 07cm đánh vào người, tay, chân anh M. Thấy anh M bị chảy nhiều máu ở mặt, mồm, chân, tay bầm tím và bị đánh đau nên K bảo U, L và Vũ Chí N dừng lại. K bảo U, L và Vũ Chí N ra ngoài rồi K tiếp tục tra hỏi anh M về việc quan hệ tình cảm bất chính với chị P nhưng không có kết quả nên dừng lại. Sau khi đánh anh M xong, L tự đi về nhà còn lại U và Vũ Chí N ở lại quán hát Karaoke TM 2. Khoảng 19h30' cùng ngày, không hỏi thêm được gì thì K chỉ đạo U và Vũ Chí N đưa anh M đi sơ cứu tại Trạm y tế xã Đ và trả điện thoại di động cho anh M. Sau đó, anh M tự đi xe taxi về nhà và được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc để điều trị từ ngày 19/11/2020 đến ngày 26/11/2020 ra viện. Hậu quả: Anh Lê Tuấn M bị tổn thương cơ thể 29% sức khỏe.

Hành vi của Vũ Chí N cùng đồng phạm đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 157 quy định: “Người nào..., giữ ... người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điều 134 quy định: “1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm ...

...

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30 % nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền con người, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Trong vụ án này, Vũ Văn K là người giữ vai trò chính, là người trực tiếp xuống thành phố Y cùng Dương Văn L, Đào Văn U đưa anh Lê Tuấn M về quán hát Karaoke TM 2 ở thôn 1, xã Đ, huyện TD. Sau đó K chỉ đạo U, L và Vũ Chí N đưa anh M vào một căn phòng nhà cấp 4 trong khuôn viên quán hát TM 2 để giữ anh M trái phép tại đây và tiến hành tra hỏi, dùng súng bắn đạn cao su, chân tay, gậy gỗ, đòn gánh bằng tre và thanh sắt phi 6 là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho anh M làm anh M bị tổn thương cơ thể 29%. Đào Văn U, Dương Văn L, Vũ Chí N tham gia với vai trò đồng phạm và là người thực hành giúp sức, đều thực hiện tội phạm tích cực. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, sau khi bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Bị cáo phạm nhiều tội áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01

năm đến 05 năm”. Xét thấy bị cáo không phải là người có chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với Vũ Văn K, Dương Văn L, Đào Văn U đã bị xét xử tại Bản án số 49/2021/HS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện TD nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T là người được Vũ Văn K nhờ liên hệ và đưa anh Lê Tuấn M gặp K để nói chuyện, anh Nguyễn Quốc Q là người lái xe taxi chở anh T, U, L đến thành phố Y để anh T gặp anh M nhưng anh M không đồng ý nên anh T đã bỏ về nhà. Bản thân anh T không có sự bàn bạc và tham gia cùng K và đồng bọn trong việc giữ trái pháp luật đối với anh M và gây thương tích cho anh M vào ngày 19/11/2020. Anh Q không bàn bạc, thống nhất và không biết mục đích của anh T, U và L. Nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T, anh Q.

Đối với người lái xe taxi do Vũ Văn K gọi đến đưa K và Vũ Chí N đến thành phố Y rồi lái xe taxi đưa K, U, L, anh Lê Tuấn M từ thành phố Y về quán hát karaoke TM 2 vào ngày 19/11/2020. Tuy nhiên, do K, M và đồng bọn không biết biển số xe taxi, không biết tên, địa chỉ của người lái xe taxi, Cơ quan điều tra không làm rõ được nên không đề cập xử lý.

Đối với chị Bùi Thị P là vợ của Vũ Văn K, ngày 19/11/2020, chị P cùng con đi về quê ở tỉnh Hòa Bình nên không tham gia bàn bạc, thống nhất và không giúp gì cho Vũ Văn K và đồng bọn trong việc giữ trái phép đối với anh M và gây thương tích cho anh M.

[6] Vật chứng vụ án: Các vật chứng và đồ vật liên quan khác đã được giải quyết tại Bản án số 49/2021/HS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương nên không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Tuấn M không yêu cầu Vũ Chí N phải bồi thường thiệt hại. Vũ Văn K không yêu cầu Vũ Chí N phải trả lại cho K số tiền đã bồi thường cho anh Lê Tuấn M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Chí N phạm các tội “Giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Vũ Chí N 07 (Bảy) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Chí N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù,

thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 26/11/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí toà án, các bị cáo Vũ Chí N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Tiến Dũng